

THÔNG BÁO
Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách
Xã Quý I năm 2026

Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách; Văn bản số 3949/BTC-NSNN ngày 05/04/2018 của Bộ Tài chính về việc thực hiện công khai ngân sách theo quy định của luật NSNN năm 2015.

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Ủy ban nhân dân xã Vạn Thắng thông báo công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã Quý I năm 2026 (Có biểu số liệu kèm theo).

Hình thức công khai: Đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân xã.

Giao Phòng Văn hóa – Xã hội đăng tải trên trang thông tin điện tử của UBND xã.

Ủy ban nhân dân xã Vạn Thắng thông báo để các phòng ban, các tổ chức, cá nhân liên quan được biết./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- TT Đảng uỷ, HĐND, UBND xã;
- Các phòng ban chuyên môn;
- Trang thông tin điện tử xã;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN 
CHỦ TỊCH



Trần Trung Hiếu

BÁO CÁO

THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2026

(Kèm theo Thông báo số: 65/TB-UBND ngày 14/04/2026 của UBND xã Vạn Thắng)

1. Về thu ngân sách (Biểu số 114/CKTC-NSNN):

Tổng thu ngân sách xã quý I năm 2026: 82.103.312.665 đồng, đạt 29,81% so với dự toán HĐND xã giao.

Trong đó:

- Thu ngân sách xã được hưởng 100% là 6.401.003.861 đồng, đạt 46,64% so với dự toán Hội đồng nhân dân xã giao.
- Thu các khoản phân chia theo tỷ lệ là 550.713.887 đồng, đạt 1,78% so với dự toán Hội đồng nhân dân xã giao.
- Thu chuyên nguồn: 7.338.753.777 đồng.
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 67.812.841.140 đồng.

Thu ngân sách xã Quý I/2026 cơ bản đạt so với chỉ tiêu HĐND xã giao.

2. Về chi ngân sách (Biểu số 115/CKTC-NSNN):

Tổng chi ngân sách xã quý I tháng đầu năm 2026 thực hiện: 39.201.907.333 đồng, đạt 14,23 % so với dự toán HĐND xã giao. Trong đó:

a) Chi đầu tư phát triển: 0 đồng.

b) Chi thường xuyên: 39.201.907.333 đồng, đạt 17,1 % so với dự toán.

Chi ngân sách xã Quý I/2026 đã cơ bản đảm bảo theo dự toán được giao; công tác điều hành chi ngân sách được thực hiện chủ động linh hoạt, tích cực đảm bảo cân đối ngân sách các cấp, đáp ứng được đầy đủ, kịp thời các khoản chi đã ghi dự toán đầu năm, bố trí chi lương, phụ cấp, các khoản chi đột xuất, phát sinh phục vụ hoạt động của các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp, chi an sinh xã hội,

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ QUÝ IV NĂM 2025

(Kèm theo Thông báo số 65/TB-UBND ngày 14/04/2026 của UBND xã Vạn Thắng)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN (QUÝ III)	SỐ SÁNH (%)
I	TỔNG SỐ THU	275.468.000.000	82.103.312.665	29,81
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	13.725.000.000	6.401.003.861	46,64
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ ⁽¹⁾	31.003.000.000	550.713.887	1,78
3	Thu bổ sung	230.740.000.000	67.812.841.140	29,39
3.1	- Bổ sung cân đối	227.740.000.000	60.740.000.000	26,67
3.2	- Bổ sung có mục tiêu	3.000.000.000	7.072.841.140	235,76
4	Thu chuyển nguồn		7.338.753.777	
II	TỔNG SỐ CHI	275.468.000.000	39.201.907.333	14,23
1	Chi đầu tư phát triển	40.665.000.000	-	-
2	Chi thường xuyên	229.223.000.000	39.201.907.333	17,10
3	Dự phòng	5.580.000.000	-	-

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ IV NĂM 2025
(Kèm theo Thông báo số 65/TB-UBND ngày 14/04/2026 của UBND xã Vạn Thắng)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN (QUÝ I)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	1	2	1,00	2,00
	TỔNG THU	379.005.000.000	275.468.000.000	112.380.988.939	82.103.312.665	29,65	29,81
I	Thu nội địa	148.265.000.000	44.728.000.000	37.229.394.022	6.951.717.748	25,11	15,54
	Thu từ các DN do TW quản lý	-	-	159.016.042	-		
1	Thu từ các DN địa phương quản lý	120.000.000	-	2.937.600	2.937.600	2,45	-
2	Thu từ khu vực CTN, ngoài QĐ	10.450.000.000	10.450.000.000	30.446.988.042	4.272.010.056	291,36	40,88
3	Lệ phí trước bạ	4.930.000.000	700.000.000	2.247.799.620	224.736.980	45,59	32,11
4	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	320.000.000	320.000.000	20.858.401	20.858.401	6,52	6,52
5	Thuế thu nhập cá nhân	3.025.000.000	3.025.000.000	2.506.691.746	1.430.947.128	82,87	47,30
6	Thu phí, lệ phí	270.000.000	64.000.000	69.287.000	22.483.000	25,66	35,13
7	Thu tiền cấp quyền SD đất	128.000.000.000	29.325.000.000	1.275.665.000	542.157.625	1,00	1,85
8	Thu tiền thuê đất	200.000.000	164.000.000	-	-	-	-
9	Thu khác ngân sách	700.000.000	430.000.000	500.150.571	435.586.958	71,45	101,30
10	Thu hoa lợi công sản, quỹ đất công ích,... tại xã	250.000.000	250.000.000	-	-	-	-

II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	230.740.000.000	230.740.000.000	67.812.841.140	67.812.841.140	29,39	29,39
1	Thu bổ sung cân đối	227.740.000.000	227.740.000.000	60.740.000.000	60.740.000.000	26,67	26,67
2	Thu bổ sung có mục tiêu	3.000.000.000	3.000.000.000	7.072.841.140	7.072.841.140	235,76	235,76
III	Thu chuyển nguồn			7.338.753.777	7.338.753.777		

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ IV NĂM 2025
(Kèm theo Thông báo số 65/TB-UBND ngày 14/04/2026 của UBND xã Vạn Thắng)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM			ƯỚC THỰC HIỆN (QUÝ I)			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	1	2	3	4	5	6	7	8=5/2	9=6/3	10=7/4
	TỔNG CHI	275.468.000.000	40.665.000.000	234.803.000.000	39.201.907.333	-	39.201.907.333	14,23	-	16,70
	<i>Trong đó:</i>									
1	Chi Sự nghiệp kinh tế	3.418.000.000		3.418.000.000	197.629.000		197.629.000	5,78		5,78
2	Chi Sự nghiệp môi trường	4.063.000.000		4.063.000.000	2.000.000		2.000.000	0,05		0,05
3	Chi Sự nghiệp giáo dục	150.195.000.000		150.195.000.000	22.311.019.045		22.311.019.045	14,85		14,85
4	Chi Sự nghiệp đào tạo	170.000.000		170.000.000	-		-	-		-
5	Chi sự nghiệp khoa học, đổi mới sáng tạo, chuyên đổi số	500.000.000		500.000.000	-		-	-		-
6	Chi Sự nghiệp y tế	6.370.000.000		6.370.000.000	923.537.111		923.537.111	14,50		14,50
7	Chi Sự nghiệp văn hoá thông tin	614.000.000		614.000.000	48.000.000		48.000.000	7,82		7,82
8	Chi Sự nghiệp phát thanh	327.000.000		327.000.000	42.000.000		42.000.000	12,84		12,84
9	Chi SN TD - TT	128.000.000		128.000.000	-		-	-		-
10	Chi đảm bảo xã hội	24.500.000.000		24.500.000.000	5.303.250.000		5.303.250.000	21,65		21,65
11	Chi quản lý hành chính	29.981.000.000		29.981.000.000	9.456.437.877		9.456.437.877	31,54		31,54
12	Chi an ninh	3.345.000.000		3.345.000.000	504.358.300		504.358.300	15,08		15,08
13	Chi quốc phòng	1.487.000.000		1.487.000.000	413.676.000		413.676.000	27,82		27,82
14	Chi khác NS	1.125.000.000		1.125.000.000						
15	Dự phòng ngân sách	5.580.000.000		5.580.000.000						
16	Chi bổ sung mục tiêu từ NS tỉnh	3.000.000.000		3.000.000.000						